TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39**/ 2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Đương**
2. Bà **Trần Thị Mỹ Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Linh** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/ 2018/ HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc yêu cầu xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sư:

Nguyên đơn*: Chị **Phạm Kiều D, sinh năm 1990 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh B.
Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Chị Phạm Kiều D trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa như sau***:

Chị và anh Nguyễn Hoàng C chung sống vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh B. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị D xác định có một người con cháu tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 31/12/2011, hiện cháu V đang sống với chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cháu V và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có.

Về nợ chung: Chị D xác định không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại.

****Anh Nguyễn Hoàng C trình bày tại biên bản hòa giải như sau:***

Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị D trình bày nhưng không có gì lớn. Nay chị D xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh C xác định có một người con Nguyễn Quang V, sinh ngày 31/12/2011, hiện cháu V đang sống với chị. Khi ly hôn, anh đồng ý giáo cháu V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C xác định không có.

Về nợ chung: Anh C xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Quá trình tống đạt giấy triệu tập anh C vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng: Phía anh C vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[2]*Về hôn nhân*:

Chị D và anh C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của chị và anh C được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị D tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn nên cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh C. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu của chị, thì chị cũng không về chung sống với anh nữa.

Tại phiên tòa chị D xin được ly hôn với anh C, riêng anh C trình bày tại biên bản thì cho rằng muốn hàn gắn vợ chồng sống lại với chị D. Chị D xác định không còn tình cảm với anh C nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì chị không về sống chung với anh C, do chị D đã cho anh C nhiều lần khắc phục lỗi lầm mà đã gây ra cho chị nhưng anh vẫn không làm được, mặc dù chị đã cho anh nhiều lần để sửa sai. Hiện tại chị không quan tâm không chấp nhận việc anh C thay đổi như thế nào. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn thì không cùng nhau xây dựng một mái nhà chung. Hiện chị D và anh C đã không ai quan tâm ai, mâu thuẫn càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh C.

[3]*Về con chung*: Anh, chị có một người con Nguyễn Quang V, sinh ngày 31/12/2011, khi ly hôn, anh đồng ý giáo cháu V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận này phù hợp nên được chấp nhận.

Tiếp tục giao cháu V cho chị D nuôi dưỡng, chị D không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]*Về tài sản chung*: Anh, Chị xác định không có.

[5]Về nợ chung, nợ riêng: Anh, Chị xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chị Phạm Kiều D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C**.**

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Quang V - sinh ngày 31/12/2011, cho chị D nuôi dưỡng, chị D không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị D phải nộp số tiền 300.000đồng, vào ngày 04 tháng 01 năm 2018, chị D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000183 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Chị D, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *UBND xã A, huyện Đ, tỉnh B;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ;*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau.*

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm